

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 -5-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân D:

1. Ông Nguyễn Tiến Thoại.

2. Bà HoàngThị Bằng.

Hội thẩm nhân D dự khuyết: Bà Lưu Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sầm Thị Thu H; Sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm A, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn D; Sinh năm 1982.

Địa chỉ: xóm A, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sầm Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Văn D tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 25/3/2011, trước khi kết hôn hai vợ chồng có tìm hiểu nhau và kết hôn theo sự tự nguyện của cả hai bên. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Hòa An vào ngày 27/4/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 3 năm 2016 và ngày càng lớn dần, nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh D không tu chí làm ăn, hay uống rượu dẫn tới hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Hai bên gia đình và bản thân hai vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải, khuyên giải nói chuyện nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không cải thiện được

Nay, chị xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 (một) con chung là Trần Tiến M, sinh ngày 17/11/2012. Hiện nay, con chung đang sống chung với cả hai vợ chồng. Nhưng vì tính chất công việc của anh D là lái xe đường dài, công việc không ổn định nên sau khi ly hôn, chị yêu cầu được là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung thì chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung (*Chị H có nộp bảng thanh toán tiền lương và sổ hộ khẩu xác nhận về nơi ở*).

Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai vợ chồng không có vay nợ chung.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2019 bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh thừa nhận đúng như chị H đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng không xảy ra xô sát. Nguyên nhân là do chị H nóng tính hay chửi mắng về việc anh phải đi làm thường xuyên không ở nhà và khi thỉnh thoảng anh về nhà thì có uống rượu với anh em hàng xóm. Hiện tại anh thấy vợ chồng vẫn bình thường nhưng do chị H không kiềm chế được nên đã làm đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án. Nay, chị H yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh thừa nhận đúng như chị H đã trình bày. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và anh không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh xác nhận hai vợ chồng có tài sản chung, không có vay nợ chung. Về tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Tòa án thì anh D có ý kiến vì công việc bận nên anh đề nghị giải quyết vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa và anh vẫn giữ nguyên lời khai trên để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Sầm Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 10/5/2019 với lý do công việc bận không thu xếp để tham gia phiên tòa được, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình

Anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh D đề nghị giải quyết vắng mặt do tính chất công việc bận và anh vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng D sự năm 2015. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng D sự. Áp dụng các điều 51, 55, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Chị Sầm Thị Thu H đề nghị Tòa án nhân D huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giải quyết ly hôn với anh Trần Văn D, đồng thời giải quyết về việc nuôi con chung sau khi ly hôn vì anh chị không thể thỏa thuận được với nhau; đây là những tranh chấp phát sinh trong hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của chị Sầm Thị Thu H thể hiện bị đơn là anh Trần Văn D, cư trú tại xóm A, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Sầm Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn D đã được tổng đạt giấy triệu tập theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị Thu H và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Hòa An, Cao Bằng

vào ngày 27 tháng 4 năm 2011, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh D thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp. Khi có mâu thuẫn xảy ra thì hai vợ chồng không cùng nhau tháo gỡ mà bỏ mặc để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù hai vợ chồng chưa ly thân, vẫn sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng lạnh nhạt, thờ ơ, không còn quan tâm đến nhau. Về mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã xác minh tại cơ sở ngày 03/5/ 2019 ông Sầm Hùng V - Công an viên, Phó Trưởng xóm A, xã B khẳng định: Chị H và anh D có xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống do tính tình không hợp tuy nhiên việc mâu thuẫn vợ chồng chưa ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của xóm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D, phía anh D cũng nhất trí ly hôn. Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã không thể tiếp tục được nữa, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được cả chị H và anh D nhất trí thuận tình ly hôn. Việc chị H và anh D thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị H anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh D có một con chung tên Trần Tiến M, sinh ngày 17/11/2012. Hiện nay, con đang ở với cả hai vợ chồng tại xóm A, xã B, Hòa An, Cao Bằng. Khi ly hôn Chị H, anh D đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét về điều kiện: Con chung hiện nay còn nhỏ, từ nhỏ đến nay đều ăn học tại xã B và chủ yếu là do chị H và nhà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng vì nhà nội ở xa. Hiện nay cháu ăn học hằng ngày đều do chị H và nhà ngoại thu xếp đưa đón, chăm sóc, thỉnh thoảng anh D có về nhà và đưa đón con đi học tuy nhiên anh D làm nghề lái xe đường dài, không thường xuyên ở nhà, công việc và thu nhập không ổn định. Phía chị H hiện nay có công việc và thu nhập ổn định (đang làm giáo viên Trường THCS xã D, huyện Hà Quảng, lương tháng 8.383.303 đồng) hằng ngày có thể đưa đón con đi học thường xuyên. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt nhất về thể chất, tinh thần cũng như đảm bảo cho việc học hành cho cháu Trần Tiến M, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Sầm Thị Thu H, giao cháu Trần Tiến M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do chị H không có yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều xác nhận vợ chồng có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sầm Thị Thu H và anh Trần Văn D.

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Tiến M, sinh ngày 17/11/2012 cho chị Sầm Thị Thu H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi) hoặc khi chị H, anh D có yêu cầu khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của chị H.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh D cùng xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không có vay nợ chung vợ chồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sầm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001252 ngày 10/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Thanh Hải